

Hà Nội, ngày 05 tháng 02 năm 2016

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY
BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM**

- Kính gửi:**
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
 - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
 - Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh

Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA (IRS)

Địa chỉ trụ sở chính: Số 30, Nguyễn Du, Phường Bùi Thị Xuân, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (04) 3 944 6666

Fax: (04) 3944 6969

Người thực hiện công bố thông tin: Bà Trần Thị Thu Hương – Thành viên TT HĐQT.

Giấy ủy quyền thực hiện công bố thông tin số 10/2014/UQ-IRS ngày 21 tháng 7 năm 2014.

Địa chỉ: Số 30, Nguyễn Du, Phường Bùi Thị Xuân, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (04) 3 944 6666

Fax: (04) 3944 6969

Loại thông tin công bố:

24 giờ 72 giờ Bất thường Theo yêu cầu Định kỳ

Nội dung thông tin cần công bố:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia công bố **Báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính năm 2015 đã được kiểm toán.**

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 05 tháng 02 năm 2016 tại đường dẫn: www.irs.com.vn/Tin_tuc/Thông_tin_IRS_công_bố.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2015;
- Báo cáo Tỷ lệ ATTC đã được kiểm toán năm 2015.



TRẦN THỊ THU HƯƠNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Địa chỉ: Số 40 Nguyễn Du, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: (84-4) 3 944 6666 Fax: (84-4) 3 944 6969

MỤC LỤC

NỘI DUNG

TRANG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015



Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Chức vụ	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	Ông Lê Thanh Chủ tịch	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	Ông Lê Thanh Hà Thành viên	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Ông Lê Thanh Hà Thành viên thường trực	06 - 08
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	Ông Lê Thanh Hà Tổng Giám đốc	09
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	Ông Lê Thanh Hà Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng	10
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	Ông Lê Thanh Hà Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng	11
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	Ông Lê Thanh Hà Thành viên	12 - 32



Trình bày của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và đầy đủ kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình tài chính của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, các quy định pháp luật Việt Nam, các văn bản hướng dẫn áp dụng kế toán cho công ty chứng khoán và các quy định pháp luật liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty chứng khoán.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lập chọn các thủ tục kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đã chọn cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nếu có các sự kiện kế toán thích hợp có thể dẫn đến thay đổi những áp dụng sai lệch trọng yếu thì được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo; và

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Lê Thanh	Chủ tịch
Ông Lê Thanh Hà	Thành viên
Bà Trần Thị Thu Hương	Thành viên thường trực

Ban Tổng Giám đốc

Bà Trần Thị Thu Hương	Tổng Giám đốc
Ông Phan Văn Huy	Phó Tổng giám đốc
Ông Đỗ Trung Sơn	Phó Tổng giám đốc
Bà Ngô Hà Chi	Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng

Ban Kiểm soát

Ông Đoàn Danh Hưng	Trưởng ban
Bà Trần Quỳnh Anh	Thành viên
Bà Phan Thị Mai Hương	Thành viên

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các văn bản hướng dẫn áp dụng kế toán cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty chứng khoán.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo; và

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các văn bản hướng dẫn áp dụng kế toán cho công ty chứng khoán và tuân thủ các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty chứng khoán. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA



Trần Thị Thu Hương

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2016





Số 28 -16/BC-TC/II-VAE

Hà Nội, ngày 04 tháng 1 năm 2016

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 28/01/2016, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các văn bản hướng dẫn áp dụng kế toán cho công ty chứng khoán, và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty chứng khoán và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến Kiểm toán

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam các văn bản hướng dẫn áp dụng kế toán cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty chứng khoán.



Phạm Ngọc Toàn

Phó Tổng giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0024-2013-034-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Đặng Thị Thu Huyền

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1410-2013-034-1

	MÃ SỐ	TRUYẾT MINH	31/12/2015	01/01/2015
100			134.549.520.757	134.549.520.757
110	V.1		91.052.299.204	91.052.299.204
111			67.752.299.204	67.752.299.204
112			23.300.000.000	23.300.000.000
120			12.007.389.748	12.007.389.748
21			1.005.156	1.005.156
129	V.2		(8.415.408)	(8.415.408)
130	V.3		20.704.393.636	30.305.272.917
131			1.284.500.000	79.750.000
132			155.633.200	224.000.000
134			29.442.834.438	40.941.356.258
135			821.425.998	50.186.667
139			(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
150			1.151.738.784	1.184.558.888
151			28.296.131	12.863.201
154	V.5		1.116.442.623	1.166.193.687
158			3.000.000	5.500.000
200			116.814.022.995	37.124.156.413
(200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)				
220			1.008.219.431	1.084.191.384
321	V.6		514.886.106	368.858.053
222			4.371.204.312	4.237.927.745
223			(3.856.378.106)	(3.871.119.690)
227	V.7		493.313.325	717.333.329
228			2.696.699.470	2.696.699.470
229			(2.203.366.145)	(1.979.366.741)
150			105.250.028.500	28.350.041.800
233	V.3.2		245.445	245.445
238	V.8		108.250.000.000	28.350.000.000
259	V.3.3		(216.945)	(203.645)
260			7.555.775.064	7.689.922.229
261	V.9		1.040.090.249	2.004.604.639
263	V.10		6.220.488.187	5.390.121.942
268	V.13		295.196.628	295.196.628
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	178		335.035.436.092	171.673.677.170

(Các thang mức từ trong 12 đến trong 32 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này)

Mẫu B 01 - CTCK

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2015	01/01/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		218.221.413.097	134.549.520.757
(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)				
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	178.357.960.051	91.052.299.204
1. Tiền	111		167.657.960.051	67.752.299.204
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.700.000.000	23.300.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		18.007.320.656	12.007.389.748
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.3.1	18.012.621.338	12.013.805.156
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư NH	129	V.3.3	(5.300.682)	(6.415.408)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.4	20.704.393.636	30.305.272.917
1. Phải thu của khách hàng	131		1.284.500.000	79.750.000
2. Trả trước cho người bán	132		155.633.200	224.000.000
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	134		29.442.834.438	40.941.356.250
5. Các khoản phải thu khác	135		821.425.998	60.166.667
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(11.000.000.000)	(11.000.000.000)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.151.738.754	1.184.558.888
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		28.296.131	12.865.201
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.5	1.116.442.623	1.166.193.687
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		7.000.000	5.500.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		116.814.022.995	37.124.156.413
(200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)				
II. Tài sản cố định	220		1.008.219.431	1.084.191.384
1. TSCĐ hữu hình	221	V.6	514.886.106	366.858.055
- Nguyên giá	222		4.371.204.212	4.237.977.745
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.856.318.106)	(3.871.119.690)
3. TSCĐ vô hình	227	V.7	493.333.325	717.333.329
- Nguyên giá	228		2.696.699.470	2.696.699.470
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.203.366.145)	(1.979.366.141)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		108.250.028.500	28.350.041.800
3. Đầu tư chứng khoán dài hạn	253	V.3.2	245.445	245.445
4. Đầu tư dài hạn khác	258	V.8	108.250.000.000	28.350.000.000
5. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259	V.3.3	(216.945)	(203.645)
V. Tài sản dài hạn khác	260		7.555.775.064	7.689.923.229
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	1.040.090.249	2.004.604.659
3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	263	V.10	6.220.488.187	5.390.121.942
4. Tài sản dài hạn khác	268	VII.3.1	295.196.628	295.196.628
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		335.035.436.092	171.673.677.170

(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu B 01 - CTCK

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2015	01/01/2015
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		32.700.179.851	34.513.139.565
I. Nợ ngắn hạn	310		32.700.179.851	34.513.139.565
2. Phải trả người bán	312		-	11.521.720
3. Người mua trả tiền trước	313	VII.3.2	928.679.010	869.879.010
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	680.275.049	1.161.197.421
6. Chi phí phải trả	316	V.12	215.714.887	529.152.527
8. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	V.13	2.165.732.480	1.348.740.850
9. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		855.000	-
11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	328	V.14	28.708.923.425	30.592.648.037
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		302.335.256.241	137.160.537.605
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	302.335.256.241	137.160.537.605
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		300.000.000.000	135.000.000.000
4. Cổ phiếu quỹ	414		(5.715.000.000)	(5.715.000.000)
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		30.495.051	21.759.119
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		30.495.051	21.759.119
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		7.989.266.139	7.832.019.367
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		335.035.436.092	171.673.677.170

(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu B 01 - CTCK

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	MÃ SỐ	31-12-15	01/01/2015
6. Chứng khoán lưu ký	006	267.827.270.000	217.760.900.000
6.1 Chứng khoán giao dịch	007	250.298.630.000	190.980.100.000
- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	6.540.000	7.350.000
- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	250.292.090.000	190.972.750.000
6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	6.780.000.000	8.480.000.000
- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	6.780.000.000	8.480.000.000
6.5 Chứng khoán chờ thanh toán	027	10.748.640.000	18.300.800.000
- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	10.748.640.000	18.300.800.000
7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050	112.606.330.000	81.537.570.000
7.1 Chứng khoán giao dịch	051	105.530.220.000	74.078.600.000
- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	052	190.000	190.000
- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053	105.530.030.000	74.078.410.000
7.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	056	6.960.110.000	7.208.970.000
- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	057	6.960.110.000	7.208.970.000
7.5 Chứng khoán chờ thanh toán	071	116.000.000	250.000.000
- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	073	116.000.000	250.000.000
- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	074	-	-

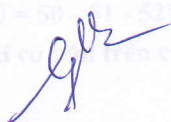
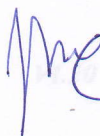
Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


Nguyễn Thị Khanh

Ngô Hà Chi

Trần Thị Thu Hương

Mẫu B 02 - CTCK

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
1. Doanh thu	01	VI.16	19.288.861.127	22.654.893.572
<i>Trong đó:</i>				
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		8.242.287.673	13.483.244.669
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		528.500	50.450.800
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		7.442.434.080	3.754.115.050
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		261.894.060	327.763.546
- Doanh thu khác	01.9		3.341.716.814	5.039.319.507
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		19.288.861.127	22.654.893.572
<i>(10 = 01 - 02)</i>				
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	VI.17	12.283.376.537	14.797.458.108
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		7.005.484.590	7.857.435.464
<i>(20 = 10 - 11)</i>				
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.18	6.778.905.665	7.312.706.757
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		226.578.925	544.728.707
<i>(30 = 20 - 25)</i>				
8. Thu nhập khác	31		90.775	2.200
9. Chi phí khác	32		2.200.000	-
10. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(2.109.225)	2.200
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		224.469.700	544.730.907
<i>(50 = 30 + 40)</i>				
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.19	49.751.064	109.548.521
13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		174.718.636	435.182.386
<i>(60 = 50 - 51 - 52)</i>				
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.20	12	33

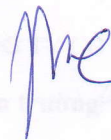
Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


Nguyễn Thị Khanh

Ngô Hà Chi

Trần Thị Thu Hương

(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu B03 - CTCK

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	Năm 2015	Năm 2014
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Lợi nhuận trước thuế	01		224.469.700	544.730.907
2.	Điều chỉnh cho các khoản				
-	Khấu hao tài sản cố định	02		489.571.953	546.034.230
-	Các khoản dự phòng	03		(1.101.426)	(675.348)
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.824.126.506)	(3.790.917.186)
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn	08		(2.111.186.279)	(2.700.827.397)
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		10.667.418.153	2.541.745.469
-	Tăng, giảm hàng tồn kho, chứng khoán đầu tư	10		1.183.818	(130.000)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(1.812.959.714)	(3.369.788.820)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		949.083.480	(1.100.507.409)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(830.366.245)	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		6.863.173.213	(4.629.508.157)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(413.600.000)	-
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			(2.000.000.000)
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(18.000.000.000)	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		12.000.000.000	17.300.000.000
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(79.900.000.000)	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26			-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.756.087.634	3.812.447.186
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(84.557.512.366)	19.112.447.186
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		165.000.000.000	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		165.000.000.000	-
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		87.305.660.847	14.482.939.029
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		91.052.299.204	76.569.360.175
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	V.1	178.357.960.051	91.052.299.204

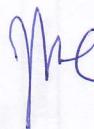
Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


Nguyễn Thị Khanh

Ngô Hà Chi

Trần Thị Thu Hương

(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Địa chỉ: Số 30 Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Tel: (84-4) 3 944 6666 Fax: (84-4) 3 944 6969

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Mẫu số B 05a - CTCK

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm				Số dư cuối kỳ	
		Ngày 01/01/2015	Ngày 01/01/2014	Năm 2015		Năm 2014		Ngày 31/12/2015	Ngày 31/12/2014
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	V.14	135.000.000.000	135.000.000.000	165.000.000.000	-	-	-	300.000.000.000	135.000.000.000
4. Cổ phiếu quỹ	V.14	(5.715.000.000)	(5.715.000.000)	-	-	-	-	(5.715.000.000)	(5.715.000.000)
8. Quỹ dự phòng tài chính	V.14	21.759.119	-	8.735.932	-	21.759.119	-	30.495.051	21.759.119
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	V.14	21.759.119	-	8.735.932	-	21.759.119	-	30.495.051	21.759.119
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	V.14	7.832.019.367	7.440.355.219	174.718.636	(17.471.864)	435.182.386	(43.518.238)	7.989.266.139	7.832.019.367
Tổng cộng		137.160.537.605	136.725.355.219	165.192.190.500	(17.471.864)	478.700.624	(43.518.238)	302.335.256.241	137.160.537.605

Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2016

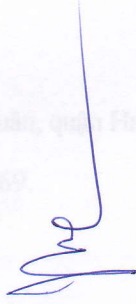
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Người lập biểu



Nguyễn Thị Khanh

Kế toán trưởng



Ngô Hà Chi



Trần Thị Thu Hương

Mẫu B09 - CTCK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty cổ phần chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia (gọi tắt là “Công ty”) thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 58/UBCK-GPHĐKD ngày 06 tháng 07 năm 2007. Công ty đã có 03 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 30 Nguyễn Du, phường Bùi Thị Xuân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Theo Giấy phép điều chỉnh số 56/GPĐC-UBCK ngày 08 tháng 12 năm 2015 thì:

- Vốn Điều lệ theo đăng ký: **300.000.000.000 VND** (Ba trăm tỷ đồng)
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

2. Ngành nghề kinh doanh

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán./.

Trụ sở Công ty tại: Số 30 Nguyễn Du, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: (84-4) 3 944 6666 Fax: (84-4) 3 944 6969.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (“VND”), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các văn bản hướng dẫn áp dụng kế toán cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của công ty chứng khoán.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các chính sách kế toán ban hành theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các văn bản hướng dẫn kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty chứng khoán.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính, sử dụng phần mềm kế toán Bravo.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng**1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam ("VND"), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó đến thời điểm Báo cáo, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt nam số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

2. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ**2.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao Tài sản cố định. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***Loại tài sản cố định****Thời gian khấu hao <năm>**

Phương tiện vận tải

06

Thiết bị dụng cụ quản lý

05 - 07

2.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm: Phần mềm giao dịch và phần mềm kế toán.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao Tài sản cố định. Kế toán TSCĐ vô hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định**Thời gian khấu hao <năm>**

Phần mềm kế toán, phần mềm giao dịch

04 - 05

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm các khoản đầu tư chứng khoán để bán và các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc, bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư.

3.1 Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong năm tài chính được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền để tính giá vốn cổ phiếu bán ra.

Khi giá trị thuần của có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư ngắn hạn, dài hạn giảm xuống thấp hơn giá gốc Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06/10/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư chỉ được trích lập đối với các chứng khoán đầu tư tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết được xác định trên cơ sở giá tham khảo khớp lệnh đóng cửa tại ngày 31/12/2015. Tại thời điểm 31/12/2015, Công ty đã lập bổ sung dự phòng theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay cao hơn số dự phòng đã lập năm trước.

3.2 Đầu tư tài chính dài hạn khác

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty bao gồm đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Phú Điền để thực hiện 04 Dự án: Dự án xử lý nước thải Từ Sơn, Dự án xử lý nước thải Cửa Lò, Dự án xử lý nước thải Tham Lương - Bến Cát, dự án khu nhà ở xã Hương Mạc - Từ Sơn và đầu tư góp vốn Công ty Cổ phần Công nghiệp Khoáng sản Vị Xuyên được ghi nhận theo giá gốc, bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư.

Mẫu B09 - CTCK**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***4. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác**

Chi phí trả trước được vốn hoá để phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ bao gồm công cụ dụng cụ và chi phí máy móc thiết bị văn phòng... có thời gian phân bổ từ 12 - 24 tháng.

5. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí thực tế phát sinh không gây đột biến cho chi phí kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

6. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lãi từ hoạt động của Công ty sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm nay.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc huỷ cổ phiếu quỹ.

7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu cung cấp các dịch vụ chứng khoán như: môi giới chứng khoán, đầu tư chứng khoán, tư vấn và doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được xác định khi dịch vụ hoàn thành và được khách hàng chấp nhận thành toán, phù hợp với 4 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu từ việc thu cổ tức được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

8. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**8.1 Ghi nhận các khoản phải thu, phải trả**

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Trong kỳ công ty thu được một phần công nợ phải thu về Hợp đồng hợp tác đầu tư đã trích lập dự phòng. Công ty đã xem xét lại và không thấy cần phải trích thêm dự phòng phải thu khó đòi.

8.2 Các nghĩa vụ về thuế**Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):**

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT là 10% đối với dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp và không chịu thuế GTGT đối với dịch vụ kinh doanh chứng khoán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***Thuế Thu nhập doanh nghiệp:**

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định Thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác:

Các loại thuế, phí khác Công ty thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

8.3 Nguyên tắc ghi nhận chi phí hoạt động kinh doanh

Chi phí hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán, chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn, chi phí hoạt động tư vấn, chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán và chi phí trực tiếp chung.

Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán, chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn, chi phí hoạt động tư vấn, chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán và chi phí trực tiếp chung được xác định theo chi phí thực tế phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Chi tiêu	Giá trị kế toán ghi nhận thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm VND
Chi Công ty Chứng khoán Cổ phiếu		
Chi phí đầu tư	312.420.513	4.579.200.367.100
Chi phí	312.420.513	4.579.200.367.100
Tổng cộng	312.420.513	4.579.200.367.100

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(tiếp theo)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	954.822.694	212.125.020
Tiền gửi ngân hàng	166.703.137.357	67.540.174.184
Trong đó:		
- Tiền gửi Ngân hàng	135.850.821.438	35.607.001.457
- Tiền gửi về giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	28.686.583.439	30.584.431.877
- Tiền gửi về đặt cọc mua cổ phần của nhà đầu tư	2.165.732.480	1.348.740.850
Các khoản tương đương tiền	10.700.000.000	23.300.000.000
Tổng cộng	178.357.960.051	91.052.299.204

2. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

Chỉ tiêu	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm VND
Của Công ty Chứng khoán	-	-
- Cổ phiếu	-	-
Của nhà đầu tư	312.420.513	4.579.200.367.100
- Cổ phiếu	312.420.513	4.579.200.367.100
Tổng cộng	312.420.513	4.579.200.367.100

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Địa chỉ: Số 30 Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Tel: (84-4) 3 944 6666 Fax: (84-4) 3 944 6969

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Mẫu số B 09 - CTCK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015
(tiếp theo)

3. Đầu tư tài chính

3.1 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Chi tiêu	Số lượng		Giá trị theo số kế toán		Tăng		So với giá trị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường	
	31-12-15	01-01-15	31-12-15	01-01-15	31-12-15	01-01-15	31-12-15	01-01-15	31-12-15	01-01-15
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
I. Chứng khoán thương mại	654	734	12.621.338	13.805.156	3.674.444	1.836.052	5.300.682	6.415.408	10.995.100	9.225.800
Chứng khoán niêm yết	654	734	12.621.338	13.805.156	3.674.444	1.836.052	5.300.682	6.415.408	10.995.100	9.225.800
- ACB	21	21	476.776	476.776	-	-	60.976	153.376	415.800	323.400
- BVS	60	60	1.980.000	1.980.000	-	-	1.266.000	1.164.000	714.000	816.000
- PVS	51	51	879.000	879.000	-	-	27.300	-	851.700	1.371.900
- STB	9	8	127.448	127.448	-	-	9.548	-	117.900	144.000
- CSM	3	3	75.000	75.000	-	-	900	-	74.100	129.000
- PVX	36	36	700.000	700.000	-	-	588.400	527.200	111.600	172.800
- SHN	85	85	1.700.000	1.700.000	-	-	595.000	1.368.500	1.105.000	331.500
- VCG	83	83	2.820.180	2.820.180	-	-	1.882.280	1.766.080	937.900	1.054.100
- DIG	5	4	187.778	187.778	-	-	142.278	135.378	45.500	52.400
- KLS	98	98	1.372.000	1.372.000	-	-	725.200	343.000	646.800	1.029.000
- DTL	7	-	60.200	-	-	-	2.800	-	57.400	-
- PVI	41	41	865.556	865.556	179.944	-	-	135.756	1.045.500	729.800
- TCM	8	-	160.000	-	86.400	-	-	-	246.400	-
- SRC	12	11	142.000	142.000	266.000	232.000	-	-	408.000	374.000
- SDC	86	86	550.400	550.400	490.200	481.600	-	-	1.040.600	1.032.000
- VCS	40	40	525.000	525.000	2.435.000	559.000	-	-	2.960.000	1.084.000
- HPC	-	97	-	1.269.018	-	-	-	813.118	-	455.900
- SEC	-	10	-	135.000	-	-	-	9.000	-	126.000
- SBT	9	-	-	-	216.900	-	-	-	216.900	-
II. Đầu tư ngắn hạn khác			18.000.000.000	12.000.000.000	-	-	-	-	18.000.000.000	12.000.000.000
- Tiền gửi kỳ hạn từ 03 tháng đến dưới 01 năm			18.000.000.000	12.000.000.000	-	-	-	-	18.000.000.000	12.000.000.000
Tổng cộng	654	734	18.012.621.338	12.013.805.156	3.674.444	1.836.052	5.300.682	6.415.408	18.010.995.100	12.009.225.800

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015
(tiếp theo)

3.2 Đầu tư chứng khoán dài hạn

Chỉ tiêu	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Số với giá thị trường				Tổng giá trị theo giá thị trường		
	31-12-15	01-01-15	31-12-15 VND	01-01-15 VND	Tăng		Giảm		31-12-15 VND	01-01-15 VND	
					31-12-15 VND	01-01-15 VND	31-12-15 VND	01-01-15 VND			
I. Chứng khoán sẵn sàng để bán			245.445	245.445	-	-	216.945	203.645	28.500	203.645	41.800
Chứng khoán niêm yết - MMC	19	19	245.445	245.445	-	-	216.945	203.645	28.500	203.645	41.800
Tổng cộng			245.445	245.445	-	-	216.945	203.645	28.500	203.645	41.800

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(tiếp theo)

3.3. Dự phòng giảm giá chứng khoán

- Dự phòng giảm giá chứng khoán ngắn hạn

Chứng khoán	Số lượng	Giá trị ghi sổ	Giảm giá	Tổng giá trị
		VND	so với thị trường VND	thị trường VND
Cổ phiếu niêm yết				
ACB	21	476.776	(60.976)	415.800
BVS	60	1.980.000	(1.266.000)	714.000
KLS	98	1.372.000	(725.200)	646.800
PVX	36	700.000	(588.400)	111.600
SHN	85	1.700.000	(595.000)	1.105.000
VCG	83	2.820.180	(1.882.280)	937.900
DIG	5	187.778	(142.278)	45.500
CSM	3	75.000	(900)	74.100
STB	8	127.448	(9.548)	117.900
PVS	51	879.000	(27.300)	851.700
DTL	7	60.200	(2.800)	57.400
Tổng cộng	457	10.378.382	(5.300.682)	5.077.700

- Dự phòng giảm giá chứng khoán dài hạn

Chứng khoán	Số lượng	Giá trị ghi sổ	Giảm giá	Tổng giá trị
		VND	so với thị trường VND	thị trường VND
Cổ phiếu niêm yết				
MMC	19	245.445	(216.945)	28.500
Tổng cộng		245.445	(216.945)	28.500

(*) Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết được xác định trên cơ sở giá tham khảo khớp lệnh đóng cửa tại ngày 31/12/2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Địa chỉ: Số 30 Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Tel: (84-4) 3 944 6666 Fax: (84-4) 3 944 6969

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Mẫu số B 09 - CTCK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(tiếp theo)

4. Các khoản phải thu ngắn hạn

4.1 Các khoản phải thu ngắn hạn

Chỉ tiêu	01/01/2015		Số phát sinh trong kỳ		31/12/2015		Tổng số dự phòng VND
	Tổng số VND	Số quá hạn VND	Tăng VND	Giảm VND	Tổng số VND	Số quá hạn VND	
Phải thu của khách hàng	79.750.000	-	1.816.000.000	611.250.000	1.284.500.000	-	-
- Phải thu dịch vụ tư vấn	79.750.000	-	1.816.000.000	611.250.000	1.284.500.000	-	-
Trả trước cho người bán	224.000.000	-	1.026.770.878	1.095.137.678	155.633.200	-	-
- Trả trước cho nhà cung cấp	224.000.000	-	1.026.770.878	1.095.137.678	155.633.200	-	-
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	40.941.356.250	-	524.965.014.853	536.463.536.665	29.442.834.438	-	(11.000.000.000)
- Phải thu khách hàng ứng trước tiền bán	388.193.066	-	369.793.676.749	369.304.435.834	877.433.981	-	-
- Phải thu về hợp đồng hợp tác đầu tư (t)	40.510.367.600	-	-	12.041.367.600	28.469.000.000	-	(11.000.000.000)
- Phải thu khách hàng phí giao dịch chứng khoán	42.795.584	-	3.398.096.521	3.419.695.968	21.196.137	-	-
- Phải thu khách hàng giao dịch kỳ quỹ chứng khoán	-	-	989.664.474	914.460.154	75.204.320	-	-
- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán khác	-	-	150.783.577.109	150.783.577.109	-	-	-
Các khoản phải thu khác	60.166.667	-	1.517.055.332	755.796.001	821.425.998	-	-
- Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	60.166.667	-	1.217.392.211	518.958.890	758.599.988	-	-
- Ứng trước phí hoa hồng theo hợp đồng	-	-	299.663.121	236.837.111	62.826.010	-	-
Tổng cộng	41.305.272.917	-	529.324.841.063	538.925.720.344	31.704.393.636	-	(11.000.000.000)

(i) Chi tiết tại Thuyết minh số V. 4.2

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(tiếp theo)

4.2. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
- Số dư đầu kỳ	(11.000.000.000)	(11.000.000.000)
- Số sử dụng trong kỳ	-	-
- Số trích lập trong kỳ	-	-
- Số dư cuối kỳ	(11.000.000.000)	(11.000.000.000)

5. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.116.442.623	1.166.193.687
Tổng cộng	1.116.442.623	1.166.193.687

6. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Đơn vị tính: VND		
	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình			
Số dư ngày 01/01/2015	1.623.734.000	2.614.243.745	4.237.977.745
Mua trong kỳ	-	413.600.000	413.600.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(280.373.533)	(280.373.533)
Giảm khác	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2015	1.623.734.000	2.747.470.212	4.371.204.212
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư ngày 01/01/2015	1.293.141.500	2.577.978.190	3.871.119.690
Khấu hao trong kỳ	188.910.000	76.661.949	265.571.949
Thanh lý, nhượng bán	-	(280.373.533)	(280.373.533)
Số dư ngày 31/12/2015	1.482.051.500	2.374.266.606	3.856.318.106
Giá trị còn lại			
- Tại ngày 01/01/2015	330.592.500	36.265.555	366.858.055
- Tại ngày 31/12/2015	141.682.500	373.203.606	514.886.106

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(tiếp theo)

7. Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình		
Số dư ngày 01/01/2015	2.696.699.470	2.696.699.470
Số dư ngày 31/12/2015	2.696.699.470	2.696.699.470
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư ngày 01/01/2015	1.979.366.141	1.979.366.141
Khấu hao trong kỳ	224.000.004	224.000.004
Số dư ngày 31/12/2015	2.203.366.145	2.203.366.145
Giá trị còn lại		
- Tại ngày 01/01/2015	717.333.329	717.333.329
- Tại ngày 31/12/2015	493.333.325	493.333.325

8. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán	
	31/12/2015	01/01/2015	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Đầu tư dài hạn khác			108.250.000.000	28.350.000.000
Uỷ quyền cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Phú Điền đại diện góp vốn vào các dự án:			105.250.000.000	25.350.000.000
+ Dự án xử lý nước thải Từ Sơn			25.175.000.000	25.175.000.000
+ Dự án xử lý nước thải Cửa Lò			175.000.000	175.000.000
+ Dự án xử lý nước thải Tham Lương - Bến Cát			57.000.000.000	-
+ Dự án khu nhà ở xã Hương Mạc - Từ Sơn			22.900.000.000	-
12. Công ty CP Công nghiệp Khoáng sản Vị Xuyên	300.000	300.000	3.000.000.000	3.000.000.000

(i) Khoản đầu tư vào Dự án xử lý nước thải Từ Sơn theo Quyết định số 29A/2010/QĐ-IRS ngày 10/5/2015 của Hội đồng quản trị. Theo đó, tổng số vốn đầu tư là 34,9 tỷ đồng, chiếm 5% tổng mức vốn của dự án.

(ii) Khoản đầu tư vào Dự án xử lý nước thải Cửa Lò theo Quyết định số 29B/2010/QĐ-IRS ngày 10/5/2015 của Hội đồng quản trị. Theo đó, tổng số vốn đầu tư là 2,9 tỷ đồng, chiếm 5% tổng mức vốn của dự án.

(iii) Khoản đầu tư vào Dự án xử lý nước thải Tham Lương - Bến Cát theo Hợp đồng BT 01 giữa TP HCM với Liên danh 3 bên. Theo đó, tổng số vốn đầu tư là 1.868 tỷ đồng, trong đó liên doanh 3 bên góp 20% tổng mức vốn của dự án.

(iv) Khoản đầu tư vào khu nhà ở xã Hương Mạc - Từ Sơn theo quyết định số 1726 ngày 31/12/2015 của chủ tịch UBND Tỉnh Bắc Ninh. Theo đó, tổng số vốn đầu tư là 229 tỷ đồng.

Mẫu số B 09 - CTCK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(tiếp theo)

- (v) Khoản đầu tư vào Công ty CP Công nghiệp khoáng sản Vị Xuyên theo Quyết định số 01/2008/QĐ-IRS ngày 01/09/2008 của Hội đồng quản trị. Theo đó, Công ty mua 300.000 cổ phần tại Công ty CP Công nghiệp khoáng sản Vị Xuyên, chiếm 10% vốn điều lệ.

9. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Chi phí hoàn thiện văn phòng, hệ thống mạng	619.837.238	1.054.658.336
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	420.253.011	949.946.323
Tổng cộng	1.040.090.249	2.004.604.659

10. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung hàng năm lũy kế	4.286.290.259	3.765.362.888
Tiền lãi phân bổ hàng năm lũy kế	1.814.197.928	1.504.759.054
Tổng cộng	6.220.488.187	5.390.121.942

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Khoản mục	Đơn vị tính: VND			
	01/01/2015	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2015
Thuế GTGT hàng nội địa	22.887.552	446.063.636	234.882.180	234.069.008
Thuế TNDN	(1.166.193.687)	49.751.064	-	(1.116.442.623)
Thuế thu nhập cá nhân	1.138.309.869	2.561.669.800	3.253.773.628	446.206.041
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng thuế và các khoản phải thu Nhà nước	1.166.193.687			1.116.442.623
Cộng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.161.197.421			680.275.049

12. Chi phí phải trả

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Chi phí giao dịch phải trả HNX và HOSE	53.914.887	110.652.527
Trích trước chi phí lương thưởng cuối năm	-	320.000.000
Chi phí điện nước	64.000.000	66.000.000
Phí bảo hành phần mềm BOSC	68.000.000	-
Chi phí phải trả khác	29.800.000	32.500.000
Tổng cộng	215.714.887	529.152.527

Mẫu số B 09 - CTCK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(tiếp theo)

13. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Phải trả tiền đặt cọc mua cổ phần	2.165.732.480	1.348.740.850
Tổng cộng	2.165.732.480	1.348.740.850

14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	13.705.339	8.216.160
Nhận tiền gửi của nhà đầu tư	28.686.583.439	30.584.431.877
Phải trả khác	8.634.647	-
Tổng cộng	28.708.923.425	30.592.648.037

15. Vốn chủ sở hữu

15.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng	Đơn vị tính: VND
Số dư ngày 01/01/2014	135.000.000.000	(5.715.000.000)	7.440.355.219	136.725.355.219	
Lãi trong năm	-	-	435.182.386	435.182.386	
Phân phối các quỹ	-	-	(43.518.238)	(43.518.238)	
Số dư ngày 01/01/2015	135.000.000.000	(5.715.000.000)	7.832.019.367	137.117.019.367	
Tăng vốn trong kỳ	165.000.000.000	-	-	165.000.000.000	
Lãi trong kỳ	-	-	174.718.636	174.718.636	
Tăng khác	-	-	-	-	
Giảm vốn trong năm	-	-	-	-	
Giảm khác	-	-	(17.471.864)	(17.471.864)	
Số dư ngày 31/12/2015	300.000.000.000	(5.715.000.000)	7.989.266.139	302.274.266.139	

15.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Các cổ đông của Công ty	296.825.000.000	131.825.000.000
Cổ phiếu quỹ	3.175.000.000	3.175.000.000
Tổng cộng	300.000.000.000	135.000.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(tiếp theo)

15.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	135.000.000.000	135.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	165.000.000.000	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	300.000.000.000	135.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

15.4 Cổ phiếu

	31/12/2015	01/01/2015
	Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.000.000
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	30.000.000	13.500.000
Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	13.500.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(317.500)	(317.500)
Cổ phiếu phổ thông	(317.500)	(317.500)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	29.682.500	13.182.500
Cổ phiếu phổ thông	29.682.500	13.182.500
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng		

15.5 Các quỹ của doanh nghiệp

Khoản mục	Đơn vị tính: VND			
	01/01/2015	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2015
Quỹ dự phòng tài chính	21.759.119	8.735.932	-	30.495.051
Quỹ khác thuộc vốn CSH	21.759.119	8.735.932	-	30.495.051
Tổng cộng	43.518.238	17.471.864	-	60.990.102

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

16. Doanh thu

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	8.242.287.673	13.483.244.669
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	528.500	50.450.800
Doanh thu hoạt động tư vấn	7.442.434.080	3.754.115.050
Doanh thu lưu ký chứng khoán	261.894.060	327.763.546
Doanh thu khác	3.341.716.814	5.039.319.507
Tổng cộng	19.288.861.127	22.654.893.572

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(tiếp theo)

17. Chi phí hoạt động kinh doanh

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	2.833.733.615	4.701.271.005
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	1.404.018	1.440.000.000
Chi phí hoạt động tư vấn	271.725.412	41.203.635
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	312.312.818	370.432.655
Hoàn nhập dự phòng	(1.101.426)	(675.348)
Chi phí khác	213.714.350	486.175.238
Chi phí trực tiếp chung	8.651.587.750	7.759.050.923
- Chi phí nhân viên	4.879.446.677	4.422.039.032
- Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	470.730.152	251.067.746
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	182.228.580	246.145.129
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.119.182.341	2.839.799.016
Tổng cộng	12.283.376.537	14.797.458.108

18. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.505.769.856	4.355.207.482
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	794.241.292	642.913.304
Chi phí khấu hao tài sản cố định	307.343.373	299.889.101
Thuế, phí và lệ phí	9.480.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.162.071.144	2.011.696.870
Tổng cộng	6.778.905.665	7.312.706.757

19. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	19.288.423.402	22.654.444.972
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	19.062.282.202	22.110.164.865
Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	226.141.200	544.280.107
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	49.751.064	108.856.021

20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	174.718.636	435.182.386
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	174.718.636	435.182.386
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	14.945.514	13.182.500
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	12	33

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Địa chỉ: Số 30 Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
 Tel: (84-4) 3 944 6666 Fax: (84-4) 3 944 6969

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Mẫu số B 09 - CTCK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015
 (tiếp theo)

21. Báo cáo bộ phận**21.1 Báo cáo bộ phận chính yếu: theo khu vực địa lý**

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

21.2 Báo cáo bộ phận chính yếu: theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong 04 lĩnh vực kinh doanh chính là Môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán, đầu tư chứng khoán và góp vốn, tư vấn và doanh thu khác. Công ty lập báo cáo bộ phận theo bốn bộ phận kinh doanh này.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Chỉ tiêu	(1)	(2)	(3)	(4)	(5 = 1 + 2 + 3 + 4)	Đơn vị tính: VND
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh	8.504.181.733	528.500	7.442.434.080	3.341.716.814	19.288.861.127	
Chi phí bộ phận trực tiếp	3.146.046.433	1.404.018	271.725.412	-	3.419.175.863	
Chi phí không phân bổ	-	-	-	-	8.864.200.674	
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	5.358.135.300	(875.518)	7.170.708.668	3.341.716.814	7.005.484.590	
Tài sản bộ phận trực tiếp	29.738.031.066	109.015.949.144	1.284.500.000	28.700.000.000	168.738.480.210	
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	166.296.955.882	
Tổng tài sản	29.738.031.066	109.015.949.144	1.284.500.000	28.700.000.000	335.035.436.092	
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	28.740.498.326	-	928.679.010	-	29.669.177.336	
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	3.031.002.515	
Tổng nợ phải trả	28.740.498.326	-	928.679.010	-	32.700.179.851	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(tiếp theo)

22. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

Công nợ tài chính

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	178.357.960.051	91.052.299.204
Nợ thuần	(178.357.960.051)	(91.052.299.204)
Vốn chủ sở hữu	302.335.256.241	137.160.537.605
Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu	(0,59)	(0,66)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	178.357.960.051	91.052.299.204
Phải thu khách hàng và phải thu khác	20.704.393.636	30.305.272.917
Các khoản đầu tư tài chính	126.257.349.156	40.357.431.548
Tổng cộng	325.319.702.843	161.715.003.669
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	28.708.923.425	30.604.169.757
Chi phí phải trả	215.714.887	529.152.527
Tổng cộng	28.924.638.312	31.133.322.284

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng cho giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VND
31/12/2015			
Phải trả người bán và phải trả khác	28.708.923.425	-	28.708.923.425
Chi phí phải trả	215.714.887	-	215.714.887
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VND
01/01/2015			
Phải trả người bán và phải trả khác	30.604.169.757	-	30.604.169.757
Chi phí phải trả	529.152.527	-	529.152.527

Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Tổng giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(tiếp theo)

- Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó (nếu có). Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2015	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	178.357.960.051	-	178.357.960.051
Phải thu khách hàng và phải thu khác	20.704.393.636	-	20.704.393.636
Các khoản đầu tư tài chính	18.007.320.656	108.250.028.500	126.257.349.156
01/01/2015	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	91.052.299.204	-	91.052.299.204
Phải thu khách hàng và phải thu khác	30.305.272.917	-	30.305.272.917
Các khoản đầu tư tài chính	12.007.389.748	28.350.041.800	40.357.431.548

23. Các khoản tiền và tương đương tiền doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Các khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược của nhà đầu tư	28.686.583.439	30.584.431.877
Tổng cộng	28.686.583.439	30.584.431.877

VII. Những thông tin khác

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc trên các khía cạnh trọng yếu không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2015.

2. Thông tin với các bên liên quan

2.1 Thu nhập Ban Tổng Giám đốc

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lương	1.204.500.000	1.091.000.000
Tổng cộng	1.204.500.000	1.091.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(tiếp theo)

3. Các thông tin khác

3.1 Tài sản dài hạn khác

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Đặt cọc tiền thuê nhà cho Công ty TNHH MTV Nguyễn Du	285.196.628	285.196.628
Ký quỹ, ký cược dài hạn khác	10.000.000	10.000.000
Tổng cộng	295.196.628	295.196.628

3.2 Người mua trả tiền trước

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Cảng Quảng Ninh	-	110.000.000
Công ty Cổ phần Thuốc thú y Trung Ương I	-	71.500.000
Chi nhánh Xí nghiệp Môi trường Đô thị Đông Anh	50.000.000	-
Công ty TNHH MTV Công trình công cộng và DV du lịch Hải Phòng	-	50.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Quang	-	49.500.000
Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bắc Ninh	49.500.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Ngô Việt Nam	52.000.000	-
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	49.279.010	49.279.010
Công ty TNHH MTV Bao Bì 277 Hà Nội	-	44.000.000
Công ty TNHH MTV Cấp Thoát Nước Quảng Bình	-	25.000.000
Công ty Cổ phần Xích líp Đông Anh	44.000.000	-
Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh	44.000.000	-
Công ty TNHH Nhà nước MTV Môi trường đô thị Sơn La	60.000.000	-
Các đối tượng khác	579.900.000	470.600.000
Tổng cộng	928.679.010	869.879.010

4. Số liệu so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






Nguyễn Thị Khanh

Ngô Hà Chi

Trần Thị Thu Hương